

**CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/CBTT.2018

V/v: Công bố thông tin BCTC soát xét bán  
niên 2018 của CPC

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
2. Mã chứng khoán: CPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 51 Trương Văn Diễm phường Phước Thới quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 02923 861770 Fax: 02923 861798
5. Người công bố thông tin: NGUYỄN VĂN TRUNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2018 của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ được lập ngày 14 tháng 08 năm 2018 bao gồm BCKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Công văn giải trình về việc một số chỉ tiêu soát xét bán niên 2018 chênh lệch hơn 5% cùng kỳ 6 tháng.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.tstcantho.com.vn](http://www.tstcantho.com.vn)  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu:...

**TM. CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**



**CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD**

*Nguyễn Văn Trung*

Số: 81/CBTT.2018

V/v: CPC giải trình việc 1 số chỉ tiêu soát xét bán niên 2018 chênh lệch hơn 5% cùng kỳ 6 tháng

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**CPC GIẢI TRÌNH CÁC LÝ DO DẪN ĐẾN  
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÊNH LỆCH HƠN 5% CÙNG KỲ**

So với báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính bán niên soát xét có chênh lệch hơn 5%.

Nay CPC xin trình bày các lý do cơ bản có sự chênh lệch như sau:

1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bán niên 2018 là 10.537.351.635 đồng lệch +6,20% so với 6 tháng. Nguyên nhân là do điều chỉnh giảm một số chi phí sản xuất và dự phòng.
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 10.537.363.265 đồng lệch +6,20% so với 6 tháng. Nguyên nhân là Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh bán niên 2018 tăng lên.
3. Chi phí thuế thu nhập hiện hành bán niên 2018 là 2.107.472.653 đồng lệch +6,16% so với 6 tháng. Nguyên nhân là Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với 6 tháng.
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.429.890.612 đồng lệch +6,20% so với 6 tháng. Nguyên nhân là Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với 6 tháng.
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 2.065 đồng/cổ phiếu lệch +6,18% so với 6 tháng. Nguyên nhân là Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với 6 tháng.

Kính chúc sức khỏe và thành đạt.

TM.CTY CP THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT NIÊM TGD

*Nguyễn Văn Trung*



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**

Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 34

TH  
TR  
TH  
TH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy Ban Nhân Dân thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800457478, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 2 tháng 4 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 43.030.500.000 VND, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CPC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18 tháng 1 năm 2010.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 02923.861.770
- Fax : 02923.861.798

Công ty đã làm thủ tục thành lập chi nhánh tại Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo sổ về Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong môi trường nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thủy hải sản xuất khẩu;
- Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch
Ông Phan Văn Mưa	Thành viên
Ông Phan Đăng Trúc	Thành viên
Ông Võ Viết Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Minh Thành	Thành viên
Ông Hồ Văn Hỷ	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

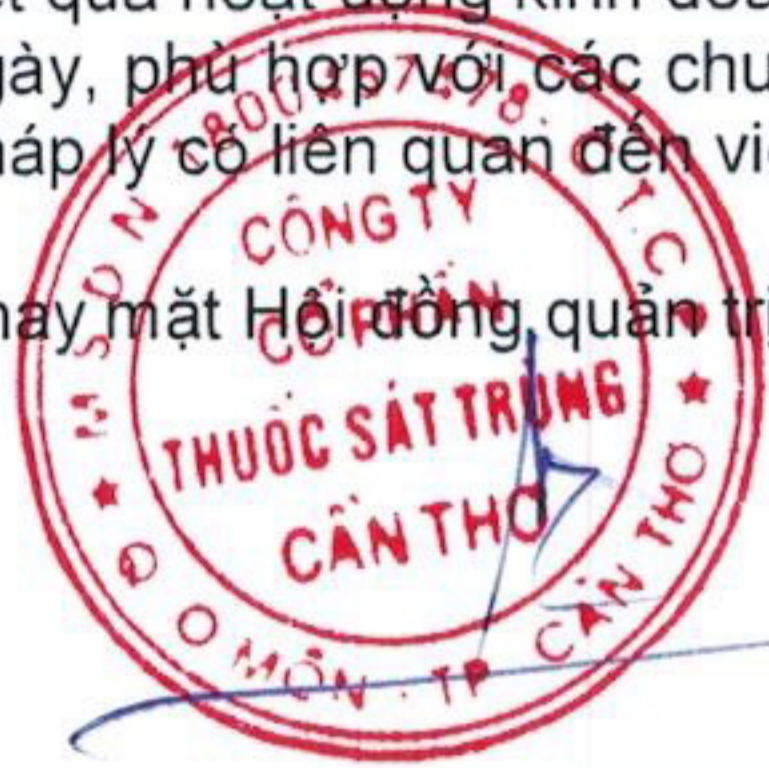
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



---

**Ông NGUYỄN VĂN TRUNG**

Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2018



Số: 153/2018/BCSX-HCM.00632

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

Số 51 Trương Văn Diễm, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.380.718.272</b>	<b>129.047.060.944</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>55.030.416.045</b>	<b>33.429.149.658</b>
Tiền	111		8.530.416.045	4.429.149.658
Các khoản tương đương tiền	112		46.500.000.000	29.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.515.356.262</b>	<b>28.508.790.726</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.433.916.644	26.024.592.136
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	721.589.878	857.254.888
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.059.505.144	3.518.070.928
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.699.655.404)	(1.891.127.226)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>34.157.738.084</b>	<b>62.808.415.938</b>
Hàng tồn kho	141		40.951.611.472	70.308.415.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.793.873.388)	(7.500.000.000)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>677.207.881</b>	<b>2.300.704.622</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	203.904.907	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.770.599	1.724.010.522
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	416.532.375	576.694.100
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Số 51 Trương Văn Diễn, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.497.930.628</b>	<b>18.862.068.533</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.820.897.174</b>	<b>15.135.708.739</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	14.576.466.502	14.847.140.549
- Nguyên giá	222		48.395.692.451	47.424.704.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.819.225.949)	(32.577.564.221)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	244.430.672	288.568.190
- Nguyên giá	228		924.913.300	924.913.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(680.482.628)	(636.345.110)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.677.033.454</b>	<b>3.726.359.794</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	3.677.033.454	3.726.359.794
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>146.878.648.900</b>	<b>147.909.129.477</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Số 51 Trương Văn Diễn, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.703.975.541</b>	<b>64.413.131.535</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.080.247.000</b>	<b>63.789.402.994</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	5.099.081.552	2.832.327.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	9.248.740	1.061.980.710
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	545.412.553	6.944.000
Phải trả người lao động	314		5.096.427.300	5.768.654.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.025.021.643	798.694.914
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.300.000.000	3.300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	4.761.941.633	2.742.067.118
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	43.220.148.600	45.544.798.150
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	3.022.964.979	1.733.936.520
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>623.728.541</b>	<b>623.728.541</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	580.000.000	580.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		43.728.541	43.728.541
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>80.174.673.359</b>	<b>83.495.997.942</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>80.174.673.359</b>	<b>83.495.997.942</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.030.500.000	43.030.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.261.176.032	12.261.176.032
Cổ phiếu quỹ	415		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.603.050.000	7.403.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.989.301.382	16.510.625.965
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.559.410.770	4.048.329.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.429.890.612	12.462.296.804
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>146.878.648.900</b>	<b>147.909.129.477</b>



NGUYỄN DUY LINH  
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG  
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Số 51 Trương Văn Diễn, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

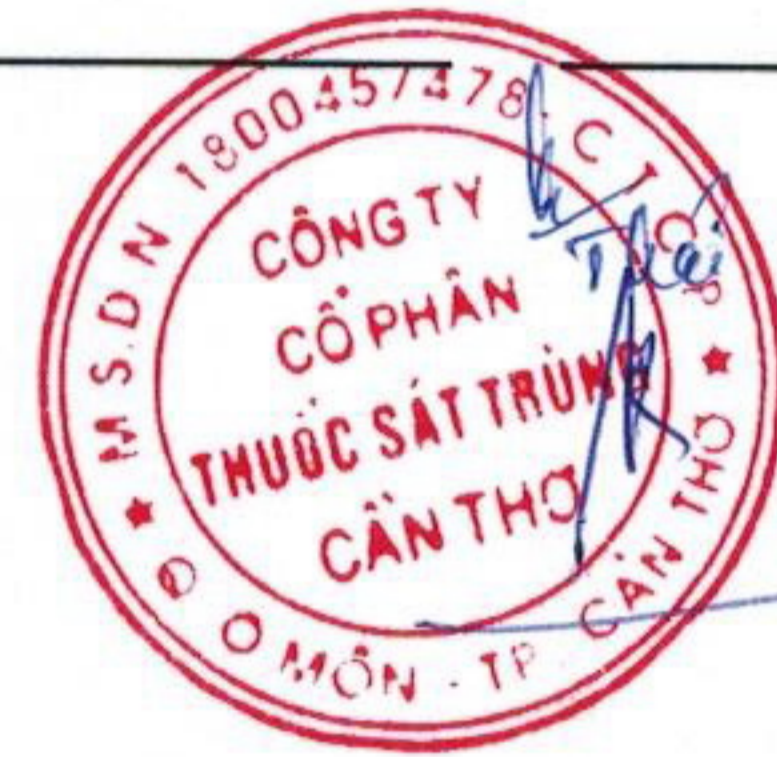
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1.1</b>	<b>174.034.104.263</b>	<b>139.019.081.149</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>174.034.104.263</b>	<b>139.019.081.149</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>148.378.918.703</b>	<b>110.972.135.660</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>20</b>		<b>25.655.185.560</b>	<b>28.046.945.489</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	843.117.989	1.090.227.273
Chi phí tài chính	22	6.4	1.382.572.857	978.038.790
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.029.226.143	752.334.185
Chi phí bán hàng	25	6.5	8.963.922.154	7.343.613.158
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.614.456.903	9.957.361.255
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.537.351.635</b>	<b>10.858.159.559</b>
Thu nhập khác	31	6.7	33.512	24.203.595
Chi phí khác	32	6.8	21.882	407.474.691
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>11.630</b>	<b>(383.271.096)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.537.363.265</b>	<b>10.474.888.463</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	2.107.472.653	2.176.468.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.429.890.612</b>	<b>8.298.419.631</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.065	2.033

NGUYỄN DUY LINH  
Người lập biểu

QUÁCH THỊ THÚY  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG  
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Số 51 Trương Văn Diễm, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		171.216.350.640	147.431.772.757
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(108.419.865.439)	(111.856.299.705)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.506.870.427)	(14.799.639.463)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.029.226.143)	(752.334.185)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.000.000.000)	(1.929.539.700)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.507.320.149	906.456.851
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(14.833.241.039)	(7.479.773.540)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>32.934.467.741</b>	<b>11.520.643.015</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.006.515.181)	(2.144.416.364)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		759.598.814	1.028.116.325
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(246.916.367)</b>	<b>(1.116.300.039)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		67.551.020.450	64.216.430.300
Tiền trả nợ gốc vay	34		(69.875.670.000)	(59.824.658.800)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.558.686.500)	(8.151.665.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.883.336.050)</b>	<b>(3.759.893.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>21.804.215.324</b>	<b>6.644.449.476</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33.429.149.658	38.617.759.485
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(202.948.937)	62.110.948
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>55.030.416.045</b>	<b>45.324.319.909</b>



NGUYỄN DUY LINH  
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG  
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ là công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 43.030.500.000 VND, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CPC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 18 tháng 1 năm 2010.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Công ty**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại số 10B, đường 2004 Sangkat Kakab Khan Posenchey, thủ đô Phnom Penh, Campuchia.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 197 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 197 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng VCB - Chi nhánh Cần Thơ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng VCB - Chi nhánh Cần Thơ.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Riêng tiền thuê 3.686,5 m<sup>2</sup> đất khu công nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 597041 ngày 16 tháng 8 năm 2016, Công ty phân bổ theo kế hoạch như sau: năm 2016 và 2017 là 500.000.000 VND, năm 2018 là 407.824.100 VND.

#### 4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 18 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 18 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 16 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 năm

#### 4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

##### ***Bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa***

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### 4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.13 Tiền lương

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích quỹ tiền lương là 12,45% doanh thu thực hiện.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả

các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.19 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.20 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

#### **Công ty và đối tượng**

#### **Quan hệ**

Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	Cổ đông lớn
Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	449.718.631	164.274.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	6.990.827.004	4.187.194.711
- USD	1.089.870.410	77.680.947
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng - VND	46.500.000.000	29.000.000.000
	<b>55.030.416.045</b>	<b>33.429.149.658</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	47.385,67	1.089.870.410

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đây là khoản tiền gửi kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 3,5%/năm tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam).

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	212.632.350	297.682.350
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng - Long An	4.771.549.982	969.121.779
Đại lý Vật tư Nông nghiệp Phạm Trường Giang	4.158.220.254	1.631.321.169
Các khách hàng khác	27.291.514.058	23.126.466.838
	<b>36.433.916.644</b>	<b>26.024.592.136</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH MêKong Xanh	141.834.000	
Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường & Dịch Vụ Tư Vấn Đầu Tư		747.840.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Cơ Khí Thanh Nhã	134.612.500	74.250.000
Viện Kiểm Nghiệm An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Quốc Gia	343.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	102.143.378	35.164.888
	<b>721.589.878</b>	<b>857.254.888</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu tiền bán hàng từ nhân viên đã nghỉ việc	-	-	170.357.639	(170.357.639)
Phải thu tiền tạm ứng công tác phí	971.505.144	-	911.525.789	-
Phải thu tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ứng trước	-	-	110.000.000	-
Phải thu Hisigma Chemical Co., Ltd	-	-	2.326.187.500	-
Các khoản phải thu khác	88.000.000	-	-	-
	<b>1.059.505.144</b>	<b>-</b>	<b>3.518.070.928</b>	<b>(170.357.639)</b>

**5.6 Nợ xấu**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>						
Các khách hàng quá hạn	Từ 3 năm trở lên	1.562.366.340	-	Từ 3 năm trở lên	1.573.958.387	-
Các khách hàng quá hạn	Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	Từ 2 đến dưới 3 năm	367.013.134	110.103.940
Các khách hàng quá hạn	Từ 1 tháng đến dưới 2 năm	44.080.611	17.040.305	-	-	-
Các khách hàng quá hạn	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	367.495.861	257.247.103	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	200.865.484	140.605.839
		<b>1.973.942.812</b>	<b>274.287.408</b>		<b>2.141.837.005</b>	<b>250.709.839</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	(1.891.127.226)	-	(1.891.127.226)
Hoàn nhập dự phòng	191.471.822	-	191.471.822
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>(1.699.655.404)</b>	<b>-</b>	<b>(1.699.655.404)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.053.680.937	(6.793.873.388)	48.327.893.738	(7.500.000.000)
Thành phẩm	11.897.930.535	-	21.980.522.200	-
	<b>40.951.611.472</b>	<b>(6.793.873.388)</b>	<b>70.308.415.938</b>	<b>(7.500.000.000)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diên, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tại ngày 01/01	(7.500.000.000)	(4.700.000.000)
Trích lập dự phòng	-	(2.800.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	706.126.612	-
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>(6.793.873.388)</b>	<b>(7.500.000.000)</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dụng	123.750.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.154.907	-
	<b>203.904.907</b>	<b>-</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí tiền thuê đất	2.479.614.691	2.740.916.488
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	217.533.713	522.347.471
Chi phí đăng ký sản phẩm mới	809.701.338	195.625.650
Chi phí trả trước dài hạn khác	170.183.712	267.470.185
	<b>3.677.033.454</b>	<b>3.726.359.794</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2018	18.975.761.498	14.815.227.837	13.461.747.408	171.968.027	47.424.704.770
Mua trong kỳ	-	1.006.515.181	-	-	1.006.515.181
Thanh lý	-	-	-	(35.527.500)	(35.527.500)
Phân loại lại	1.231.648.305	(1.191.490.759)	(74.703.000)	34.545.454	1.006.515.181
Tại ngày 30/06/2018	<b>20.207.409.803</b>	<b>14.630.252.259</b>	<b>13.387.044.408</b>	<b>170.985.981</b>	<b>48.395.692.451</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2018	15.774.025.828	9.806.328.373	6.841.768.496	155.441.524	32.577.564.221
Khấu hao trong kỳ	373.994.912	432.021.315	467.054.940	4.118.061	1.277.189.228
Thanh lý	-	-	-	(35.527.500)	(35.527.500)
Phân loại lại	34.946.257	(10.978.757)	(24.261.510)	294.010	-
Tại ngày 30/06/2018	<b>16.182.966.997</b>	<b>10.227.370.931</b>	<b>7.284.561.926</b>	<b>124.326.095</b>	<b>33.819.225.949</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diên, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2018	3.201.735.670	5.008.899.464	6.619.978.912	16.526.503	14.847.140.549
Tại ngày 30/06/2018	4.024.442.806	4.402.881.328	6.102.482.482	46.659.886	<b>14.576.466.502</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	13.148.865.009	6.933.440.205	2.615.631.733	139.695.300	<b>22.837.632.247</b>
Tại ngày 30/06/2018	13.893.508.469	7.608.846.205	2.615.631.733	104.167.800	<b>24.222.154.207</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	-	-	2.455.741.191	-	2.455.741.191
Tại ngày 30/06/2018	-	-	2.654.770.477	-	<b>2.654.770.477</b>

#### 5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2018	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	200.000.000	724.913.300	<b>924.913.300</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2018	200.000.000	436.345.110	636.345.110
Khấu hao trong kỳ	-	44.137.518	44.137.518
Tại ngày 30/06/2018	200.000.000	480.482.628	<b>680.482.628</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2018	-	288.568.190	288.568.190
Tại ngày 30/06/2018	-	244.430.672	<b>244.430.672</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	200.000.000	145.680.800	<b>345.680.800</b>
Tại ngày 30/06/2018	200.000.000	145.680.800	<b>345.680.800</b>

#### 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	1.131.312.000	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH SX - TM Nhựa Cường Phát	1.855.025.728	1.120.744.439
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Hồng Tú	832.500.000	608.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.280.243.824	1.103.582.643
	<b>5.099.081.552</b>	<b>2.832.327.082</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.12 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Trường Sơn	-	1.021.483.045
Các nhà cung cấp khác	9.248.740	40.497.665
	<b>9.248.740</b>	<b>1.061.980.710</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	414.883.472	(414.883.472)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.102.481.501	(3.519.013.876)	-	(416.532.375)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	143.105.598	(143.105.598)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(576.694.100)	2.107.472.653	(1.000.000.000)	530.778.553	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.944.000	-	1.437.355.269	(1.429.665.269)	14.634.000	-
Thuế nhà đất	-	-	17.925.187	(17.925.187)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	229.517.120	(229.517.120)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	<b>6.944.000</b>	<b>(576.694.100)</b>	<b>7.455.740.800</b>	<b>(6.757.110.522)</b>	<b>545.412.553</b>	<b>(416.532.375)</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.537.363.265	10.474.888.463
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	407.455.696
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(470.000.000)
Thu nhập tính thuế	10.537.363.265	10.412.344.159
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>2.107.472.653</b>	<b>2.082.468.832</b>
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	94.000.000
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>2.107.472.653</b>	<b>2.176.468.832</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

*Thuế nhà đất, tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí hỗ trợ bán hàng	735.155.466	586.785.888
Chi phí hoạt động của chi nhánh Campuchia	194.599.435	59.777.096
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	95.266.742	152.131.930
	<b>1.025.021.643</b>	<b>798.694.914</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	114.162.560	58.148.440
Phải trả thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	1.227.896.032	1.634.368.195
Tạm mượn hàng hóa	2.357.974.058	-
Chiết khấu phải trả	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả cổ tức	12.358.500	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	49.550.483	49.550.483
	<b>4.761.941.633</b>	<b>2.742.067.118</b>

**5.15.2 Phải trả dài hạn khác**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, phải trả dài hạn khác là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn với số tiền là 580.000.000 VND.

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay ngân hàng VIETCOMBANK - chi nhánh Cần Thơ	20.872.148.600	20.872.148.600	29.937.675.270	29.937.675.270
Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	22.348.000.000	22.348.000.000	15.607.122.880	15.607.122.880
	<b>43.220.148.600</b>	<b>43.220.148.600</b>	<b>45.544.798.150</b>	<b>45.544.798.150</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ  
 Số 51, Trương Văn Diên, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2018	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.544.798.150	67.551.020.450	(69.875.670.000)	43.220.148.600

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,0%/năm và được đảm bảo bằng giá trị tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 5.9).

**5.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	01/01/2018	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.733.936.520	1.740.631.459	(451.603.000)	3.022.964.979

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trưng Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.18 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	6.303.050.000	15.828.056.695	81.713.428.672
Lãi 6 tháng đầu năm 2017	-	-	-	-	-	8.298.419.631	8.298.419.631
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.100.000.000	(1.100.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.416.827.534)	(1.416.827.534)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.151.665.000)	(8.151.665.000)
Tại ngày 30/06/2017	<b>43.030.500.000</b>	<b>8.291.518.300</b>	<b>12.261.176.032</b>	<b>(4.000.872.355)</b>	<b>7.403.050.000</b>	<b>12.357.983.792</b>	<b>79.343.355.769</b>
Lãi 6 tháng cuối năm 2017	-	-	-	-	-	4.163.877.173	4.163.877.173
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(11.235.000)	(11.235.000)
Tại ngày 31/12/2017	<b>43.030.500.000</b>	<b>8.291.518.300</b>	<b>12.261.176.032</b>	<b>(4.000.872.355)</b>	<b>7.403.050.000</b>	<b>16.510.625.965</b>	<b>83.495.997.942</b>
Tại ngày 01/01/2018	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	7.403.050.000	16.510.625.965	83.495.997.942
Lãi 6 tháng đầu năm 2018	-	-	-	-	-	8.429.890.612	8.429.890.612
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.200.000.000	(1.200.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.740.631.459)	(1.740.631.459)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.439.538.736)	(1.439.538.736)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.571.045.000)	(8.571.045.000)
Tại ngày 30/06/2018	<b>43.030.500.000</b>	<b>8.291.518.300</b>	<b>12.261.176.032</b>	<b>(4.000.872.355)</b>	<b>8.603.050.000</b>	<b>11.989.301.382</b>	<b>80.174.673.359</b>

Chi tiết phân phối lợi nhuận xem tại thuyết minh 5.18.4.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.18.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu**

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	8.752.200.000	20,34	8.752.200.000	20,34
AFC VF Limited	5.293.000.000	12,30	2.592.000.000	6,02
Ông Võ Viết Thanh	3.605.430.000	8,38	3.605.430.000	8,38
Bà Lê Thị Thu Trang	2.165.440.000	5,03	2.165.440.000	5,03
Cổ phiếu quỹ	2.216.000.000	5,15	2.216.000.000	5,15
Các cổ đông khác	20.998.430.000	48,80	23.699.430.000	55,08
	<b>43.030.500.000</b>	<b>100,00</b>	<b>43.030.500.000</b>	<b>100,00</b>

**5.18.3 Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.303.050	4.303.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.303.050	4.303.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	221.600	221.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.081.450	4.081.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.18.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2018, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017.NQ.ĐHĐCĐ.CPC ngày 18 tháng 4 năm 2018 như sau:

	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	8.571.045.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.200.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.740.631.459
Khen thưởng hội đồng quản trị, ban kiểm soát	1.188.034.432
Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	251.504.304

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018	01/01/2018
Dollar Mỹ (USD)	47.385,67	3.526,04

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán thành phẩm	168.507.056.763	133.516.411.857
Doanh thu gia công	2.686.466.635	3.570.767.692
Doanh thu khác	2.840.580.865	1.931.901.600
	<b>174.034.104.263</b>	<b>139.019.081.149</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	1.977.559.762	1.977.559.762

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Giá vốn thành phẩm	140.644.154.128	103.479.992.375
Giá vốn gia công	3.533.297.651	3.166.759.403
Giá vốn khác	4.907.593.536	1.525.383.882
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(706.126.612)	2.800.000.000
	<b>148.378.918.703</b>	<b>110.972.135.660</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	759.598.814	1.028.116.325
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	83.518.741	62.110.948
Chi phí tài chính khác	434	-
	<b>843.117.989</b>	<b>1.090.227.273</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

6.4 Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	1.029.226.143	752.334.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá	353.346.714	225.704.605
	<b>1.382.572.857</b>	<b>978.038.790</b>
6.5 Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	3.991.053.700	4.065.253.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	426.594.747	391.317.068
Chi phí bán hàng khác	4.546.273.707	2.887.042.490
	<b>8.963.922.154</b>	<b>7.343.613.158</b>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.613.220.600	7.721.350.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.629.802	85.793.556
Chi phí quản lý khác	916.606.501	2.150.217.599
	<b>5.614.456.903</b>	<b>9.957.361.255</b>
6.7 Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập khác	33.512	24.203.595
	<b>33.512</b>	<b>24.203.595</b>
6.8 Chi phí khác	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Các khoản chi phí thuế	-	387.455.696
Chi phí khác	21.882	20.018.995
	<b>21.882</b>	<b>407.474.691</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.429.890.612	8.298.419.631
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.429.890.612	8.298.419.631
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.081.450	4.081.450
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.065</b>	<b>2.033</b>

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	126.646.161.793	96.803.185.498
Chi phí nhân công	16.571.956.707	18.437.565.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.321.326.746	940.553.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.642.234.922	3.065.090.374
Chi phí bằng tiền khác	5.584.441.466	4.617.245.869
	<b>152.766.121.634</b>	<b>123.863.640.515</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	67.551.020.450	64.539.174.995

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	69.875.670.000	59.824.658.800

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51, Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Các khoản vay và nợ	43.220.148.600	-	43.220.148.600
Phải trả người bán	5.099.081.552	-	5.099.081.552
Phải trả khác và chi phí phải trả	5.660.442.216	580.000.000	6.240.442.216
	<b>53.979.672.368</b>	<b>580.000.000</b>	<b>54.559.672.368</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Các khoản vay và nợ	45.544.798.150	-	45.544.798.150
Phải trả người bán	2.832.327.082	-	2.832.327.082
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.482.613.592	580.000.000	4.062.613.592
	<b>51.859.738.824</b>	<b>580.000.000</b>	<b>52.439.738.824</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.9*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2018 và 31/12/2017.

#### iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	34.734.261.240	24.133.464.910	34.734.261.240	24.133.464.910
Các khoản phải thu khác	1.059.505.144	3.518.070.928	1.059.505.144	3.518.070.928
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.030.416.045	33.429.149.658	55.030.416.045	33.429.149.658
<b>Tổng cộng</b>	<b>92.824.182.429</b>	<b>63.080.685.496</b>	<b>92.824.182.429</b>	<b>63.080.685.496</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	43.220.148.600	45.544.798.150	43.220.148.600	45.544.798.150
Phải trả người bán	5.099.081.552	2.832.327.082	5.099.081.552	2.832.327.082
Phải trả khác và chi phí phải trả	6.240.442.216	4.062.613.592	6.240.442.216	4.062.613.592
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.559.672.368</b>	<b>52.439.738.824</b>	<b>54.559.672.368</b>	<b>52.439.738.824</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Cam kết bảo lãnh*

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
Tiền lương, thưởng	2.120.825.000	2.054.236.071
Các khoản thù lao	222.083.000	227.349.357
	<b>2.342.908.000</b>	<b>2.281.585.428</b>

#### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông – Gia công	1.158.601.745	1.977.559.762
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông – Mua hàng	1.837.962.000	-
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông – chia cổ tức	4.364.240.000	433.088.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
 Số 51, Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
AFC VF Limited – Chia cổ tức	1.093.930.000	855.800.000
Ông Nguyễn Văn Trung – Thuê nhà	-	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung – Chia cổ tức	191.186.200	186.524.000
Ông Võ Viết Thanh – Chia cổ tức	739.113.150	721.086.000
Ông Phan Văn Mưa – Chia cổ tức	424.683.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng gia công.

*Cam kết bảo lãnh*

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.







\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN DUY LINH**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**QUÁCH THỊ THÚY**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN VĂN TRUNG**  
 Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 14 tháng 8 năm 2018